TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 6 – 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1992; cư trú tại ấp C1, xã L1, huyện B Bình, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công C2, sinh năm 1988; cư trú tại ấp T, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc H trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Công C2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng mẹ chồng tại ấp T, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống được hơn 10 ngày thì ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Nguyên nhân do anh C2 không chí thú làm ăn, tụ tập cùng bạn bè uống bia rượu, cờ bạc. Mặc dù, chị và mẹ chồng khuyên ngăn nhưng không đạt kết quả. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm

sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh C2.

- Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị và anh C2 không có con chung, trong thời gian ly thân chị đã trả lại toàn bộ nữ trang ngày cưới, không nợ chung ai. Nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Công C2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh C2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh C2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân anh C2 không chí thú làm ăn, tụ tập cùng bạn bè uống bia rượu, cờ bạc dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Chị H và anh C2 có thời gian dài sống ly thân từ tháng 4/2014 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh C2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C2 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Căn cứ vào lời trình bày của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị H và anh C2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh C2.

[2] *Về con chung*: Chị H xác định chị và anh C2 không có con chung nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[3]*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Công C2.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Nguyễn Công C2 không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Trúc H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010881 ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Trúc H, vắng mặt anh Nguyễn Công C2. Báo cho chị H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem

xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh C2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân